

Từ các cuộc đảo chính quân sự đến tình trạng đàn áp chính trị, Tòa Thánh luôn phải duy trì thế cân bằng đầy khó khăn giữa hoạt động ngoại giao và việc bảo vệ nhân quyền.

Thanh Quảng sdb – (Ateleia - Cyprien Viet)

Trong chuyến tông du Châu Mỹ Latinh sắp tới, Giáo hoàng Lêô XIV sẽ gặp gỡ ba nhà lãnh đạo có quan điểm chính trị rất khác biệt. Tổng thống Uruguay, ông Yamandú Orsi – người nhậm chức vào năm 2025 – thuộc liên minh cánh tả "Mặt trận Rộng mở" (Broad Front). Ông là một trong số ít các nhà lãnh đạo cánh tả còn lại ở Nam Mỹ, bên cạnh người đồng cấp Brazil, ông Luiz Inácio Lula da Silva, người vừa tái đắc cử gần đây. Tại Argentina, Đức Giáo hoàng sẽ gặp một nhà lãnh đạo có triết lý chính trị hoàn toàn trái ngược: Tổng thống theo đường lối tự do cá nhân (libertarian) Javier Milei, người đắc cử năm 2023.

Cuối cùng, tại Peru – quốc gia mà Giáo hoàng Lêô XIV cũng có quốc tịch – ngài sẽ được chào đón bởi bà Keiko Fujimori. Bà là con gái của cựu tổng thống theo đường lối độc tài Alberto Fujimori (1938–2024), người từng nắm quyền từ năm 1990 đến 2000. Năm 2026, bà trở thành nữ tổng thống đầu tiên của Peru sau ba lần tranh cử không thành công vào các năm 2011, 2016 và 2021. Bà cũng là vị tổng thống thứ tư của quốc gia này kể từ khi Giáo hoàng Lêô XIV lên ngôi. Theo các nguồn tin từ Vatican, tình trạng bất ổn chính trị này đã khiến chuyến thăm – vốn là một trong những ưu tiên của Đức Giáo hoàng – phải trì hoãn.

Mặc dù có những khác biệt đáng kể, cả ba nhà lãnh đạo này đều lên nắm quyền thông qua các cuộc bầu cử. Điều này hoàn toàn trái ngược với tình hình tại nhiều quốc gia Mỹ Latinh trong nửa sau thập niên 20.

Trong suốt nhiều năm, đặc biệt là trong những chuyến thăm đầu tiên của Giáo hoàng Gioan Phaolô II tới khu vực này, Tòa Thánh đã phải đối diện với các chế độ độc tài trải dài trên toàn bộ chính trị, từ cực tả đến cực hữu. Các giám mục tại địa phương đã có những cách ứng xử rất khác nhau đối với các chính quyền này.

Ngoại giao: Giữa hợp tác và độc lập

“Dân chủ không hẳn là một niềm đam mê tại Châu Mỹ Latinh,” nhà sử học người Ý Gianni La Bella nhận xét – một khía cạnh mang tính khiêu khích đầy chủ đích. Ông La Bella hiện là giáo sư tại Đại học Modena và Reggio Emilia, đồng thời là thành viên Ủy ban Giáo hoàng về Khoa Lịch sử. Phát biểu tại một hội nghị diễn ra từ ngày 28 đến 29 tháng 10 năm 2026 tại Đại học Giáo hoàng Gregorian ở Rome – hội nghị bàn về mối quan hệ giữa Tòa Thánh với các chế độ toàn trị trong thế kỷ 20 – Ông La Bella đã phân tích cách thức các vị giáo hoàng và các nhà ngoại giao Vatican ứng xử với những chính quyền độc tài trên khắp châu lục này. Ông đặc biệt tập trung vào các chế độ trong thập niên 1930, 1940 và giai đoạn từ thập niên 1960 đến 1980, trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh.

Một số quốc gia Châu Mỹ Latinh đã trải qua sự cai trị độc tài trong thập niên 1930 và đầu thập niên 1940. Tại Argentina, giai đoạn được gọi là “Thập kỷ ô nhục” (Infamous Decade) gắn liền với những chính quyền đầy tranh cãi và tham nhũng. Ở Brazil, Getúlio Vargas đã thiết lập một chế độ độc tài, trước khi quay trở lại nắm quyền thông qua bầu cử và cuối cùng tự kết liễu đời mình.

Trước các chế độ này, Tòa Thánh tìm kiếm “không gian để hợp tác và tồn tại”, đồng thời nỗ lực duy trì sự độc lập của Giáo hội và ngăn chặn các chính quyền lợi dụng Giáo hội cho những mục đích chính trị.

Tại Argentina, Juan Perón ban đầu nhận được sự ủng hộ từ Giáo hội sau khi lên nắm quyền vào năm 1946. Tuy nhiên, mối quan hệ này sau đó tệ đi, góp phần dẫn đến việc ông bị lật đổ vào năm 1955.

Chiến tranh Lạnh và bước ngoặt hướng tới chế độ độc tài

Sau Cách mạng Cuba năm 1959 – sự kiện đưa Fidel Castro trở thành một nhân vật quan trọng trên vũ đài quốc tế – các tầng lớp tinh hoa quân sự và bảo thủ trên khắp Châu Mỹ Latinh đã viện dẫn "mối đe dọa cộng sản" để biện minh cho việc giành lấy quyền lực.

Cuộc đảo chính quân sự năm 1964 tại Brazil đã mở đầu cho một làn sóng các chế độ độc tài. Tại Chile, quân đội đã lật đổ Salvador Allende vào tháng 9 năm 1973. Ở Uruguay, Tổng thống Juan María Bordaberry cùng các lực lượng vũ trang cũng thiết lập một chế độ độc tài trong cùng năm đó.

Tại Argentina, cuộc đảo chính tháng 3 năm 1976 đã lật đổ Isabel Perón, với sự ủng hộ từ một nhóm tinh hoa Công giáo. Việc loại bỏ một trong số ít phụ nữ từng lãnh đạo chính quyền độc tài trong lịch sử đã được một bộ phận xã hội Argentina thời bấy giờ coi là hành động chính đáng. Hiện đã 95 tuổi, góa phụ Juan Perón vẫn là một nhân vật không được lòng công chúng tại quê hương và đang sống lưu vong ở Tây Ban Nha.

Trong suốt những năm tháng đàn áp đó, các chế độ quân sự đã nhắm mục tiêu vào các đối thủ chính trị, các nhà hoạt động công đoàn, sinh viên và nhà hoạt động xã hội. Nhiều linh mục, tu sĩ và các nhà lãnh đạo mục vụ cũng bị sát hại, bỏ tù hoặc buộc phải lưu vong.

Giáo hội Công giáo tại Châu Mỹ Latinh khi ấy bị chia rẽ sâu sắc. Một bộ phận trong Giáo hội coi lực lượng vũ trang là những người bảo vệ trật tự Kitô giáo trước mối đe dọa từ chủ nghĩa cộng sản. Trong khi đó, một bộ phận khác lên án sự bất công và bảo vệ những nhóm người dễ bị tổn thương, dựa trên các cuộc thảo luận tại Công đồng Vatican II và hội nghị Medellín năm 1968.

Nhóm thứ hai này đã góp phần đặt nền móng cho tư tưởng "ưu tiên dành cho người nghèo" – quan điểm sau đó được nêu rõ tại hội nghị Puebla năm 1979 và trở thành một phần cốt lõi trong thần học giải phóng.

Như La Bella đã tóm lược, Giáo hội khi đó rơi vào tình thế "nằm giữa hai chiến hào: chiến hào của cuộc chiến thần học và chiến hào của cuộc chiến chính trị".

Đức Phaolô VI: Bảo vệ nhân quyền mà không cắt đứt đối thoại

Triều đại của Đức Giáo hoàng Phaolô VI (1963–1978) được đánh dấu bằng các hoạt động ngoại giao tích cực.

Triều đại Giáo hoàng của Phaolô VI (1963–1978) ghi dấu ấn bằng hoạt động ngoại giao tích cực, dựa trên các nỗ lực hòa giải, những tuyên bố công khai và sự ủng hộ dành cho các sáng kiến của các giám mục địa phương. Đối với ngài, thái độ trung lập không đồng nghĩa với việc rút lui khỏi các vấn đề thế giới. Tự do của Giáo hội, hòa bình, công lý và nhân quyền đều là những điều kiện thiết yếu cho sự ổn định chính trị.

Thánh Giáo Hoàng Phaolô VI đã ủng hộ các nỗ lực của các giám mục tại Brazil và Chile trong việc bảo vệ nhân quyền. Lập trường của ngài đối với Argentina thì tinh tế và phức tạp hơn. Một số thành viên trong hàng giáo phẩm Công giáo duy trì mối quan hệ gần gũi với giới quân sự, trong khi những người khác lên án các hành vi tra tấn, giết chóc, đồng thời tìm kiếm thông tin về những người bị bắt cóc.

Ngày 27 tháng 9 năm 1976, khi tiếp tân đại sứ Argentina tại Tòa Thánh, Đức Giáo hoàng đã bày tỏ mối quan ngại về các hành vi bạo lực chết người mà những tình tiết liên quan vẫn chưa được làm sáng tỏ đầy đủ. Dù ngôn từ được xử dụng khá chừng mực, nhưng nó vẫn phản ánh mức độ nghiêm trọng của tình hình.

Vụ sát hại Giám mục Enrique Angelelli vào tháng 8 năm 1976 cho thấy những hiểm nguy mà các nhà lãnh đạo Giáo hội phải đối diện khi lên tiếng chỉ trích chế độ. Giám mục Angelelli là người đặc biệt tận tâm phục vụ người nghèo.

Chile: Giáo hội đồng hành cùng các nạn nhân

Tại Chile, sau cuộc đảo chính ngày 11 tháng 9 năm 1973, Hồng y Raúl Silva Henríquez, Tổng giám mục Santiago, đã trở thành người tiên phong bảo vệ các nạn nhân dưới chế độ độc tài của Augusto Pinochet. Giáo hội đã góp phần thành lập Ủy ban Hợp tác vì Hòa bình vào năm 1973, và sau đó là Đại diện đặc trách về Tình đoàn kết (Vicariate of Solidarity) vào năm 1976. Các tổ chức này cung cấp sự hỗ trợ về pháp lý và xã hội cho những cá nhân bị ngược đãi, đồng thời thu thập lời khai về các hành vi vi phạm nhân quyền.

Công việc này đã đưa Hồng y Silva Henríquez trở thành nhân vật tiêu biểu của phong trào kháng cự bất bạo lực. Nó cho thấy cách thức Giáo hội có thể bảo vệ các quyền tự do mà không cần đối đầu trực diện với chính quyền, thông qua việc xử dụng các thiết chế của mình để che chở cho các nạn nhân. Tuy nhiên, chính quyền Chile đã cố gắng thuyết phục Tòa Thánh rằng các giám mục có quan điểm chỉ trích đang vượt quá phạm vi trách nhiệm tôn giáo của họ.

Được bầu chọn vào năm 1978 – sau khi chính bản thân ngài từng sống dưới một chế độ độc tài – Thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã đặc biệt chú trọng đến tự do tôn giáo, phẩm giá con người và quyền tự quyết của các dân tộc. Chuyến thăm Chile của ngài, từ ngày 1 đến ngày 6 tháng 4 năm 1987, đã đánh dấu một thời điểm quan trọng.

Khi gặp gỡ các nhà lãnh đạo chính trị từ nhiều khuynh hướng khác nhau, bao gồm cả phe đối lập, ngài đã kêu gọi tái thiết đời sống dân chủ. Ngài nhắc lại giáo huấn của Công đồng Vatican II rằng Giáo hội "không đồng nhất với cộng đồng chính trị, cũng không gắn bó với bất kỳ hệ thống chính trị nào", đồng thời nhấn mạnh trách nhiệm của Giáo hội trong việc bảo vệ các quyền cơ bản.

Tuy nhiên, chuyến thăm cũng vấp phải sự chỉ trích khi Đức Giáo hoàng xuất hiện cùng nhà độc tài Chile trên ban công dinh tổng thống.

Chuyến thăm của Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II không trực tiếp dẫn đến sự sụp đổ của Pinochet. Dù vậy, nó đã góp phần tạo ra một không gian chính trị thuận lợi cho quá trình chuyển đổi sang dân chủ. Tiến trình này được đẩy nhanh sau cuộc trưng cầu dân ý năm 1988, dẫn đến việc Patricio Aylwin đắc cử vào tháng 12 năm 1989 và nhậm chức vào tháng 3 năm 1990.

Paraguay cũng trải qua một sự chuyển đổi tương tự. Sau 35 năm cầm quyền độc tài, Alfredo Stroessner đã bị lật đổ vào năm 1989, chỉ vài tháng sau chuyến thăm của Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II. Trong chuyến đi đó, Đức Giáo hoàng đã kiên quyết gặp gỡ đại diện của mọi tầng lớp xã hội, bao gồm cả phe đối lập.



Uruguay: Duy trì không gian cho tự do

Tại Uruguay, chế độ độc tài được thiết lập từ năm 1973 đã kéo dài đến tận năm 1985. Chính quyền này cấm đoán hoặc đàn áp các hoạt động chính trị và công đoàn, bắt giam những người bất đồng chính kiến, và sử dụng tra tấn một cách có hệ thống. Họ cũng tham gia vào "Chiến dịch Condor" (Operation Condor) – một mạng lưới hợp tác giữa các chế độ độc tài ở Nam Mỹ nhằm trấn áp các đối thủ chính trị.

Trong bối cảnh đó, Tổng giám mục Montevideo, ông Carlos Parteli, cùng nhiều nhóm Công giáo đã tham gia vào các cuộc thảo luận về quyền tự do dân sự và nhân quyền.

Mối quan hệ với chính quyền vẫn đầy phức tạp. Giáo hội vừa phải duy trì các hoạt động mục vụ, vừa phải đáp ứng kỳ vọng của những người Công giáo đang phải đối mặt với sự đàn áp. Những bất đồng nảy sinh chủ yếu xoay quanh các hình thức kháng cự và giới hạn tham gia chính trị của người Kitô hữu.

Trải nghiệm tại Uruguay cho thấy rằng các hành động của Tòa Thánh không thể chỉ được đánh giá qua những tuyên bố công khai. Những nỗ lực hỗ trợ tù nhân, bảo vệ các cá nhân và duy trì không gian cho sự tự do cũng được xem là các hình thức can thiệp ngoại giao.

Tuy nhiên, việc khôi phục nền dân chủ vào năm 1985 là kết quả của một tiến trình chính trị và xã hội rộng lớn hơn nhiều. Các đảng phái chính trị, công đoàn, các phong trào cơ sở và những cuộc đàm phán với quân đội đều đóng vai trò nhất định.



Dân Peru sửa soạn chào đón Đức Lêô XIV

Peru: Lên án bạo lực từ mọi phía

Tình hình tại Peru còn phức tạp hơn nhiều. Chế độ quân sự do Tướng Juan Velasco Alvarado thiết lập năm 1968 khác biệt với các chế độ độc tài chống cộng truyền thống

nhờ các chính sách cải cách theo đường lối dân tộc chủ nghĩa và xã hội, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp.

Từ năm 1975, người kế nhiệm ông là Francisco Morales Bermúdez đã dần thay đổi định hướng chính sách của đất nước. Mối quan hệ giữa nhà nước và Giáo hội khi thì hợp tác, lúc lại xung đột, trong khi những chuyển biến bên trong Công giáo Mỹ Latinh đã củng cố cam kết của Giáo hội đối với người nghèo.

Bắt đầu từ năm 1980, Peru đối diện với một cuộc nổi dậy theo tư tưởng Mao Trạch Đông do tổ chức "Con đường Sáng" (Shining Path) cầm đầu. Tổ chức này đã gây ra nhiều vụ thảm sát và tấn công khủng bố, kéo theo các biện pháp trấn áp từ phía lực lượng chính phủ. Dù cuộc xung đột diễn ra dưới thời chính quyền dân sự, nhưng nó lại bị đánh dấu bởi những hành vi lạm quyền độc đoán và tình trạng bạo lực lan rộng. Các cộng đồng nông thôn, đặc biệt là tại vùng Andes, là những đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề nhất.

Trong chuyến thăm Peru vào tháng 2 năm 1985, Thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã kêu gọi hòa bình, đồng thời khẳng định hòa bình không thể tách rời khỏi công bằng xã hội. Khác với cách tiếp cận thận trọng của các giám mục địa phương, ngài đã quyết định tạo điều kiện cho đại diện các cộng đồng bản địa bày tỏ yêu cầu của họ tại một buổi gặp gỡ công khai.

Tại Ayacucho, khu vực chịu tàn phá nặng nề nhất bởi xung đột, ngài đã lên án vòng xoáy bạo lực và kêu gọi các nhóm nổi dậy vũ trang hãy buông súng. Ngài cũng nhấn mạnh sự cần thiết phải giải quyết những bất công và tình trạng bị bỏ mặc mà một số cộng đồng đang phải gánh chịu. Thông điệp của ngài bác bỏ cả việc biện minh cho đấu tranh vũ trang lẫn quan điểm cho rằng chỉ riêng sự trấn áp là có thể giải quyết được các xung đột.

Chính trong bối cảnh đầy khó khăn này – nơi vừa có bạo lực từ các nhóm du kích theo tư tưởng Mao Trạch Đông, vừa có những hành vi lạm quyền từ phía quân đội – Robert Francis Prevost (người sau này trở thành Giáo hoàng Lêô XIV) đã phát triển ơn gọi trở thành một tu sĩ truyền giáo trong suốt thập niên 1980.

Tòa Thánh: Một "tổ chức không có quyền lực"

Những trải nghiệm tại Argentina, Chile, Uruguay và Peru cho thấy ngoại giao của Tòa Thánh không tuân theo một phương thức hoàn toàn đồng nhất. Các phương pháp được xử dụng rất đa dạng, từ đàm phán kín, đưa ra các tuyên bố công khai, cho đến việc ủng hộ các sáng kiến của các giám mục địa phương và tận dụng uy tín đạo đức của chính Giáo hoàng.

Sự đa dạng này phản ánh tính phức tạp trong hoàn cảnh của từng quốc gia, cũng như những thay đổi diễn ra ngay trong lòng Giáo hội Công giáo. Giáo hội lúc bấy giờ đang phải vật lộn với những cuộc tranh luận về công bằng xã hội, thần học giải phóng, cùng mối quan hệ giữa đức tin và hành động chính trị.

La Bella tóm lược tham vọng trong ngoại giao của Vatican bằng cụm từ “quyền lực không dựa trên quyền lực”: khả năng gây ảnh hưởng chính là nhờ việc Tòa Thánh không sở hữu sức mạnh quân sự hay các công cụ cưỡng chế vốn có trong tay các chính phủ.

